|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

|  |
| --- |
| **Dự thảo:** |

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN   
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Xét Tờ trình số …/TTr-UBND ngày … tháng .. năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2021/NQ- HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giải đoạn 2022 – 2025; Báo cáo thẩm tra số …/BC-HĐND ngày … tháng … năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 18/2021/NQ- HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giải đoạn 2022 – 2025, cụ thể như sau:

**1. Sửa đổi tên gọi của một số đơn vị hành chính cấp tỉnh tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND:**

- *“Sở Nông nghiệp và PTNT”* sửa thành *“Sở Nông nghiệp và Môi trường”*.

- *“Chi cục Thủy sản”* sửa thành *“Chi cục Thủy sản và kiểm ngư”*

- *“Trung tâm Giống chăn nuôi”* sửa thành *“Trung tâm Giống nông nghiệp”*

- *“Trung tâm Giống cây trồng”* sửa thành *“Trung tâm Giống nông nghiệp”*

**2. Bỏ điểm e khoản 2 Điều 1:** (Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện)).

**3. Sửa đổiđiểm g khoản 2 Điều 1**: Ủy ban nhân dân cấp xã, phường (sau đây gọi chung là UBND cấp xã.

**4. Sửa đổi điểm b, khoản 1 Điều 3:**

“b) Hỗ trợ chi phí làm đất trồng mới chè giống LDP1, LDP2, chè chất lượng cao, chè Tuyết Shan:

- Đối với các xã: Con Cuông, Môn Sơn, Mậu Thạch, Cam Phục, Châu Khê, Bình Chuẩn; Mường Xén, Hữu Kiệm, Nậm Cắn, Chiêu Lưu, Na Loi, Mường Típ, Na Ngoi, Mỹ Lý, Bắc Lý, Keng Đu, Huồi Tụ, Mường Lống; Tam Quang, Tam Thái, Tương Dương, Yên Na, Yên Hòa, Nga My, Nhôn Mai, Hữu Khuông, Lượng Minh; khu tái định cư thủy điện Bản Vẽ tại xã Sơn Lâm: 5.000.000 đồng/ha;

- Đối với các xã còn lại: 2.000.000 đồng/ha.”

**5. Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 4:**

“b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% chi phí: Tinh trâu, tinh bò sữa, tinh bò giống hướng thịt; vật tư phối giống và hỗ trợ 70.000 đồng/con có chửa, bao gồm tiền công: phối giống, kiểm tra trâu hoặc bò có chửa;

- Hỗ trợ 80% đối với các xã: Mường Xén, Hữu Kiệm, Nậm Cắn, Chiêu Lưu, Na Loi, Mường Típ, Na Ngoi, Mỹ Lý, Bắc Lý, Keng Đu, Huồi Tụ, Mường Lống; Tam Quang, Tam Thái, Tương Dương, Yên Na, Yên Hòa, Nga My, Nhôn Mai, Hữu Khuông, Lượng Minh; Quế Phong, Tiền Phong, Tri Lễ, Mường Quàng, Thông Thụ; 60% đối với các xã miền núi còn lại giá trị trâu đực giống ngoài vùng (cách tối thiểu 50 km), bò đực giống lai hướng thịt (về đến địa phương), để phối giống trực tiếp cho trâu cái, bò cái tại địa phương không có điều kiện thực hiện phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Định mức: 25 - 30 con trâu hoặc bò cái sinh sản đối với các xã được hỗ trợ 80%; 30 - 50 con trâu hoặc bò cái sinh sản đối với các xã còn lại, được bố trí 01 con trâu hoặc bò đực giống. ”

**6. Sửa đổi các điểm, khoản, Điều từ Điều 13 đến Điều 51:**

a) Các nội dung quy định nhiệm vụ của UBND cấp huyện tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND: nay chuyển cho UBND cấp xã/phường thực hiện;

b) Các nội dung quy định nhiệm vụ của phòng chuyên môn cấp huyện (Phòng Nông nghiệp/ phòng Kinh tế/ phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện) tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND: nay chuyển cho phòng chuyên môn cấp xã/phường thực hiện (phòng Kinh tế/ hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc UBND cấp xã/phường);

c) “*Hồ sơ nghiệm thu phúc tra” đối với* các nội dung chính sách đã giao cho UBND cấp huyện tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND: nay bỏ, không thực hiện; UBND cấp xã/phường thực hiện nghiệm thu cơ sở, lập biên bản nghiệm thu cơ sở và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả nghiệm thu cơ sở, làm căn cứ để thực hiện hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng).

d) Đối với phụ lục:

- Bỏ Mẫu số 01, mẫu số 03 của Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND (Biên bản nghiệm thu phúc tra kết quả thực hiện chính sách (đối với UBND cấp huyện)

- Sửa đổi một số từ ngữ, thành phần cho phù hợp với chính quyền 2 cấp tại các mẫu biểu, phụ lục: Mẫu số 01, mẫu số 02, mẫu số 03 Phụ lục I; mẫu số 02, mẫu số 04 Phụ lục II *(có Mẫu kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII thông qua tại kỳ họp thứ … (kỳ họp chuyên đề) ngày … tháng …năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng …. năm 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);  - Bộ Nông nghiệp &Môi trường, Bộ Tài chính (để b/c);  - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Toà án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;  Cục thi hành án dân sự tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;  - HĐND, UBND các xã, phường;  - Trung tâm Công báo tỉnh;  - Website: http//dbndnghean.vn;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Hoàng Nghĩa Hiếu** |

**Phụ lục I. HỒ SƠ NGHIỆM THU CƠ SỞ**

**Mẫu số 01: Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

**Nguồn kinh phí hỗ trợ:** *......................................................*

***Năm 202****…..*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./2025/NQ-HĐND ngày …/…/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021*

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm 202....

Tại: ..............................................................................................................

Thành phần Hội đồng nghiệm thu gồm:

**A. Đại diện UBND xã, (phường):** *......................................*........

- Ông (bà): *..............................* - Chức vụ: Chủ tịch (hoặc PCT) UBND xã.

- Ông (bà): *..............................* - Chức vụ: ...........

**B. Đại diện Hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp (nếu có):** *..............*

- Ông (bà): *....................................* - Chức vụ:...............................

- Ông (bà): *....................................* - Chức vụ: ..............................

**C. Đại diện Ban chỉ huy thôn (bản, khối):** *.................................*

- Ông (bà): *....................................* - Chức vụ: Trưởng thôn (bản).

- Ông (bà): *....................................* - Chức vụ: ...........................

Đã tiến hành nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ: .......................... .............................. vụ (nếu có) .................., năm 202........ theo Nghị quyết số …./2021/NQ-HĐND ngày …/12/2021 của HĐND tỉnh như sau:

**I. KẾT QUẢ NGHIỆM THU CƠ SỞ**

*.......….......................................................................................................................*

*.......….......................................................................................................................*

*.......….......................................................................................................................*

*.................................................................................................................................*

Hội đồng nghiệm thu cơ sở xác nhận những kết quả và yêu cầu điều kiện của chính sách mà đối tượng thụ hưởng đã thực hiện trên địa bàn thôn (bản) ....... như sau:

- Số lượng giống (hoặc vật tư) thực hiện chính sách: *............. kg (cây….).*

- Số tiền được hỗ trợ: .................. đồng. Bằng chữ:........................đồng.

*(Có bảng kê chi tiết các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ kèm theo).*

Biên bản này đã được thông qua các thành viên tham gia và lập thành 04 bản: 01 bản lưu tại UBND cấp xã; 01 bản lưu tại HTX, doanh nghiệp (nếu có); 01 bản lưu tại Ban chỉ huy thôn (bản); 01 bản gửi đơn vị thực hiện chính sách./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BAN CHỈ HUY THÔN (BẢN)** | **NGƯỜI LẬP** |
| **ĐẠI DIỆN UBND XÃ** *...........................*  **CHỦ TỊCH**  *(Chữ ký, dấu)* | **ĐẠI DIỆN HỢP TÁC XÃ**  *(Chữ ký, dấu)* |

**Mẫu số 02: Bảng kê danh sách các hộ gia đình, cá nhân thực hiện chính sách hỗ trợ …………….**

**UBND xã (phường):** *.....................................*

**Thôn (bản, khối):** *..........................................................*

**BẢNG KÊ DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH** *………………………………………*

**Năm 202….***(Kèm theo biên bản nghiệm thu cơ sở ngày …. tháng ….. năm 202….)*

*Đơn vị tính: Đồng.*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên chủ hộ, cá nhân, tổ chức** | **Đơn vị tính** | **Số**  **lượng** | **Số tiền được hỗ trợ……/ Mức hỗ trợ:** | **Ký xác nhận** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |

*Ngày.......tháng........ năm 202….*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại diện UBND xã (phường)**  *(Chữ ký, dấu)* | **Đại diện Hợp tác xã, doanh nghiệp (nếu có)**  *(Chữ ký, dấu)* | **Trưởng thôn (bản, khối)**  (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Mẫu số 03: Bảng tổng hợp kết quả nghiệm thu cơ sở thực hiện chính sách hỗ trợ ………..**

**UBND Xã (phường):** *..........................................................*

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**………………………………………………

**Năm 202….**

*Đơn vị tính: Đồng.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn/bản/khối…** | **Đơn**  **vị**  **tính** | **Số**  **lượng** | **Số tiền được hỗ trợ……./ Mức hỗ trợ:** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |

*Ngày ....... tháng....... năm 202….*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **UBND xã (phường)**  *(Chữ ký, dấu)* | **Đại diện Hợp tác xã, doanh nghiệp (nếu có)**  *(Chữ ký, dấu)* | **Người lập biểu**  (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Phụ lục II. HỒ SƠ NGHIỆM THU PHÚC TRA**

**Mẫu số 02: Biên bản nghiệm thu phúc tra kết quả thực hiện chính sách (đối với đơn vị, doanh nghiệp được giao trách nhiệm thực hiện chính sách)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU PHÚC TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ** ……………………..

***Năm 202****…..*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025.*

*Căn cứ Nghị quyết số …./2025/NQ-HĐND ngày …/…/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021*

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm 202....

Tại *..............................................................................................................*

Thành phần Hội đồng nghiệm thu phúc tra gồm:

**A. Đại diện đơn vị, doanh nghiệp được giao trách nhiệm thực hiện chính sách:** *................*

- Ông (bà): *................................* - Chức vụ: ...........

- Ông (bà): *................................* - Chức vụ: ...........

**B. Đại diện UBND xã, phường (địa bàn có đơn vị, doanh nghiệp được giao trách nhiệm thực hiện chính sách):** *...................*

- Ông (bà): *...........................* - Chức vụ: Chủ tịch (PCT) UBND xã.

- Ông (bà)…………………. - Chức vụ: Trưởng/phó phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

- Ông (bà): *...........................* - Chức vụ: ...........

Đã tiến hành phúc tra kết quả nghiệm thu cơ sở thực hiện chính sách hỗ trợ: ..................................... vụ (nếu có).................., năm 202........ theo Nghị quyết số .../2021/NQ-HĐND ngày …/12/2021 của HĐND tỉnh, tại ...................... như sau:

# I. KẾT QUẢ NGHIỆM THU CƠ SỞ

*....….........................................................................................................................*

*.......…....................................................................................................................... .......….......................................................................................................................*

*.......….......................................................................................................................*

**II. KẾT QUẢ NGHIỆM THU PHÚC TRA CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

- Hội đồng nghiệm thu phúc tra của đơn vị, doanh nghiệp được giao trách nhiệm thực hiện chính sách (doanh nghiệp, đơn vị) đã tiến hành kiểm tra thực tế ở một số đối tượng thụ hưởng chính sách (hộ gia đình, cá nhân...) được chọn mẫu ngẫu nhiên tại xã (HTX). Kết quả cụ thể như sau:

*.......….......................................................................................................................*

*.......….......................................................................................................................*

*.......….......................................................................................................................*

- Hội đồng nghiệm thu phúc tra của đơn vị, doanh nghiệp được giao trách nhiệm thực hiện chính sách chấp nhận kết quả nghiệm thu cơ sở của xã và thống nhất thanh toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn như sau:

+ Số lượng giống (hoặc vật tư) thực hiện chính sách: *.............. kg (cây….).*

+ Số tiền được hỗ trợ: ..................... đồng. Bằng chữ:.......................đồng.

*(Có bảng tổng hợp kết quả nghiệm thu phúc tra chi tiết kèm theo).*

Biên bản đã được các thành viên tham gia nhất trí thông qua và lập thành 06 bản: 01 bản lưu tại đơn vị, doanh nghiệp được giao trách nhiệm thực hiện chính sách; 02 bản lưu tại UBND cấp xã; 01 bản lưu tại HTX (nếu có); 01 bản gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, 01 bản gửi sở Tài chính./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP ĐƯỢC GIAO TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**  *(Chữ ký, dấu)* | **ĐẠI DIỆN PHÒNG KINH TẾ/**  **KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ** *..........................*

**CHỦ TỊCH (HOẶC PCT)**

*(Chữ ký, dấu)*

**Mẫu số 04: Bảng tổng hợp kết quả nghiệm thu phúc tra thực hiện chính sách hỗ trợ ………..**

**Đơn vị, công ty:** .....................................

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU PHÚC TRA THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**………………………………………………

**Năm 202….**

*Đơn vị tính: Đồng.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã (phường, thị trấn)**  **Tổ/đội sản xuất** | **Đơn**  **vị**  **tính** | **Số**  **lượng** | **Số tiền được hỗ trợ……./ Mức hỗ trợ:** | **Số tiền được hỗ trợ….. / Mức hỗ trợ:** | **Cộng số tiền được hỗ trợ** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cộng: |  |  |  |  |  |  |

*Ngày......tháng ....... năm 202….*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của UBND cấp xã/phường (phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)**  *(Chữ ký, dấu)* |  | **Đơn vị, Công ty…**  *(Chữ ký, dấu)* |